

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 / 11 /2020.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**-----
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Doãn Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2020/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim Tr, sinh năm 1974

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Lê Thị Kim Tr trình bày:

Bà Tr và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Viễn, huyện Thống Nhất (nay là huyện Trảng Bom), tỉnh Đồng Nai vào ngày 05/01/2000.

Vợ chồng chung sống có 03 con chung là Nguyễn Triệu M, sinh ngày 04/02/2001; Nguyễn Triệu H, sinh ngày 13/10/2002; Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 01/01/2006.

Quá trình chung sống không có hạnh phúc, không quan tâm chăm sóc nhau,

không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông Th không quan tâm, không có trách nhiệm đối với gia đình, còn nghi ngờ bà Tr có mối quan hệ bất chính với người khác rồi gây gỗ, mắng chửi bà. Vì thương con nên bà vẫn cố gắng chịu đựng nhiều năm qua, bà đã khuyên nhủ ông Th thay đổi và gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Càng ngày mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, khiến bà Tr cảm thấy vô cùng ngột ngạt, ức chế. Vào năm 2017, bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông Th nhưng vì ông Th hứa sẽ thay đổi nên bà Tr đã rút đơn và Tòa án không giải quyết vụ án. Tuy nhiên đến nay bà thấy mâu thuẫn không hóa giải được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

Về con chung bà yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Thanh Th và tạm thời không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với Nguyễn Triệu M, Nguyễn Triệu H đã thành niên, đủ khả năng lao động nên bà Tr không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Do bị đơn ông Nguyễn Văn Th đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ, vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải, phiên tòa nên ông Th không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự Tòa án đã xác định đúng, trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, ban hành, tổng đạt các văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng quy định. Tại tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Bà Tr và ông Th chung sống có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, theo các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Th cũng không đến Tòa để làm việc như vậy ông Th cũng không muốn hòa giải, nên cần chấp nhận cho bà Tr được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Giao cho bà Tr nuôi con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 01/01/2006. Tạm thời ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Nguyễn Triệu M, Nguyễn Triệu H đã thành niên, đủ khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Tr khai không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: bà Tr khai không có. Buộc bà Tr nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và tố tụng: Bà Tr có đơn xin ly hôn với ông Th, cả hai cùng trú tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom. Bà Tr có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Th đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông Th vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr và ông Th.

[2]. Về yêu cầu của đương sự: Bà Tr và ông Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2005, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Tr do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau. Ngoài ra ông Th thường ghen tuông vô cớ rồi đánh đập, chửi bới bà Tr.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Th đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa nhưng ông Th đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, điều đó thể hiện ông Th không có thiện chí để Tòa án hòa giải và cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ mà bỏ mặc cuộc sống hôn nhân. Tại biên bản xác minh ngày 10/6/2020 chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa ông Tr bà Th. Tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng là Nguyễn Triệu H và Nguyễn Triệu M ngày 29/6/2020 thể hiện ông Th thường uống rượu, say xỉn rồi kiêu căng gây gỗ, chửi bới bà Tr, cuộc sống chung của bà Tr và ông Th không hạnh phúc. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông Th mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, như vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Tr.

[3]. Về con chung: Xét thấy hiện bà Tr đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 01/01/2006. Cháu Th có nguyện vọng được sống cùng bà Tr. Chính quyền địa phương cho biết bà Tr có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Nay bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của con chung, nên cần chấp nhận. Đối với con chung là Nguyễn Triệu M, sinh ngày 04/02/2000 và Nguyễn Triệu H, sinh ngày 13/10/2002 đã thành niên, và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5]. Nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 - Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Kim Tr, bà Lê Thị Kim Tr được ly hôn với ông Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Kim Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Thanh Th, sinh ngày 01/01/2006. Tạm thời ông Nguyễn Văn Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của ông Nguyễn Văn Th. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Kim Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 0007049 ngày 04/3/2020 sang nộp án phí, bà Tr đã nộp đủ án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đ/s;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKS huyện;
- THADS huyện;
- Lưu h/s, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Xuân Phong